

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 67/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Trần Thanh Hoài N, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 46/11, đường 409, Tổ 2, Ấp 3, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Bạch Ngọc S, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ tạm trú: Số nhà 367, Đường 30/4, Tổ 61, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh Hoài N và ông Bạch Ngọc S chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 105, ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không có hạnh phúc. Bà N và ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do bà N và ông S đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn

nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Thanh Hoài N và ông Bạch Ngọc S có 01 con chung là Bạch Thanh T, sinh ngày 14/12/2016. Bà N và ông S thỏa thuận giao con chung Bạch Thanh T, sinh ngày 14/12/2016 cho bà Trần Thanh Hoài N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Thỏa thuận của bà N, ông S phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Bạch Ngọc S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Bạch Thanh T, sinh ngày 14/12/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thỏa thuận của bà N và ông S phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh Hoài N và ông Bạch Ngọc S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Bạch Thanh T, sinh ngày 14/12/2016 cho bà Trần Thanh Hoài N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Bạch Ngọc S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Bạch Thanh T, sinh ngày 14/12/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Bạch Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian

chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thanh Hoài N nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); ông Bạch Ngọc S nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041477 ngày 19/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một;
- UBND xã P, huyện C, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Nga